

Số /QĐ-UBND

Nà Hỡ, ngày tháng 9 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt danh sách học sinh, trẻ mầm non và trường phổ thông dân tộc bán trú, trường mầm non có trẻ nhà trẻ bán trú được hưởng chính sách theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ, năm học 2025-2026**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NÀ HỖ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;*

*Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;*

*Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo.*

*Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;*

*Căn cứ Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Công văn số 296/BDTTG-CS ngày 10/4/2025 của Ban Dân tộc và Tôn giáo (nay là Sở Dân tộc và Tôn giáo) hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với đơn vị hành chính cấp xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại;*

*Căn cứ Thông báo số 556/TB-HĐXDĐTĐ ngày 19/9/2025 của Hội đồng xét duyệt, thẩm định hồ sơ các chế độ chính sách học sinh năm học 2025-2026 về kết quả xét duyệt, thẩm định hồ sơ học sinh hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định 66/2025/NĐ-CP; Nghị định 105/2020/NĐ-CP, Nghị định số 57/2017/NĐ-*

*CP của Chính phủ, năm học 2025-2026; Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT - BGDDT-BLĐTBXH-BTC, 4 tháng cuối năm 2025;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt danh sách học sinh, trẻ mầm non và trường phổ thông dân tộc bán trú, trường mầm non có trẻ nhà trẻ bán trú được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ, năm học 2025-2026, cụ thể như sau:

### **1. Chính sách hỗ trợ học sinh, trẻ em nhà trẻ bán trú**

#### **a) Đối với trẻ em nhà trẻ**

- Tổng số trẻ đủ điều kiện hưởng chính sách là: 449 trẻ;
- Thời gian hỗ trợ: Năm học 2025-2026;
- Tổng kinh phí thực hiện: 1.454.760.000 đồng.

*(Chi tiết tại biểu 01a, 01b, 01c, 01d, 01e kèm theo)*

#### **b) Đối với học sinh bán trú**

- Tổng số học sinh đủ điều kiện hưởng chính sách là: 2.403 học sinh;
- Thời gian hỗ trợ: Năm học 2025-2026;
- Tổng kinh phí thực hiện: 20.286.864.000 đồng;
- Tổng số gạo hỗ trợ: 325.110 kg.

*(Chi tiết tại biểu 02a, 02b, 03a, 03b, 03c, 03d kèm theo)*

### **2. Chính sách hỗ trợ trường Phổ thông dân tộc bán trú, trường Mầm non có trẻ nhà trẻ bán trú**

- Tổng số trường được hỗ trợ: 11 trường (*gồm 05 trường Mầm non, 02 trường tiểu học, 04 trường THCS*);
- Tổng kinh phí hỗ trợ: 3.774.141.000 đồng;
- Thời gian hỗ trợ: Năm học 2025-2026.

*(Chi tiết tại biểu 03 kèm theo)*

### **Điều 2.** Tổ chức thực hiện

**1.** Hiệu trưởng các trường học có tên tại Điều 1 căn cứ danh sách học sinh, trẻ mầm non được duyệt tổ chức thực hiện chế độ chính sách kịp thời đúng đối tượng, đúng định mức; chịu trách nhiệm về hồ sơ, chứng từ thanh quyết toán theo đúng quy định. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về UBND xã (qua phòng Văn hóa - Xã hội).

**2.** Giao Phòng Văn hóa - Xã hội chủ trì, phối hợp với phòng Kinh tế hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức thực hiện chính sách của các đơn vị

trường học đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng, định mức; tham mưu điều chỉnh, bổ sung danh sách khi phát sinh tăng, giảm đối tượng hưởng chính sách theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng các phòng: Kinh tế, Văn hóa - Xã hội; Trưởng phòng G dịch số 3 - KBNN khu vực X; Hiệu trưởng các đơn vị trường có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Thường trực Đảng ủy (b/c);
- Lãnh đạo HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu: VT, VH-XH, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Bùi Quang Định**